TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 09/2017/ HNGĐ - ST
Ngày 29 tháng 12 năm 2017.
Về việc: " Ly hôn".

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN- LÀO CAI.

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Lựa**.**

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Trọng Trung- Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Phòng Lao động thương binh xã hội huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

2. Ông Lê Hoàng Chuân- Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Huyện đoàn huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Th- ký phiên toà: Ông Nghiêm Mạnh Hùng -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, Lào Cai

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Nga- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 96/2017/TLST - HNGĐ Ngày 03 tháng 11 năm 2017. Về việc: " Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2017/QĐXX - ST ngày 01 tháng 12 năm 2017. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1956.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : Thôn Tân A1, xã T A, huyện V B, tỉnh LC. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông Phạm Văn K, sinh năm 1954.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : Thôn Tân A1, xã T A, huyện V B, tỉnh LC. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

* Người làm chứng: Bà Đinh Thị T, sinh năm 1972; Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1956; Ông Phạm Thượng H, sinh năm 1950; Ông Hoàng Văn Th, sinh năm 1954. Đều có địa chỉ tại: Thôn Tân A1, xã T A, huyện V B, tỉnh LC. Vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Anh Phạm Văn Ch, sinh năm 1982. Địa chỉ tại: Thôn Tân A1, xã T A, huyện V B, tỉnh LC. Có mặt tại phiên Tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà Trần Thị H và ông Phạm Văn K tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T A. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 tháng đến tháng 6/2014 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên sung đột, bà đã nhiều lần viết đơn ly hôn, bỏ về nhà con gái ở lần qua lần đoàn tụ, tự ly thân, bỏ mặc không quan tâm từ tháng 8/2017, đặc biệt tình cảm vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng nhất ngày 26/10/2017 khi bà đang ở nH con riêng của bà, ông K đến chửi, mắng, xúc phạm, cầm dao đuổi đánh bà, bà tự bỏ đi không về chung sống cùng ông K tính đến nay khoảng 02 tháng bỏ mặc không còn quan tâm nên bà không có thai với ông K. Nay bà H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn bà H có nguyện vọng đề nghị được ly hôn với ông Phạm Văn K.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/11/2017 và ngày 16/11/2017 của ông Phạm Văn K xác định vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 năm 09 tháng, trong quá trình chung sống với bà H không chánh khỏi xảy ra sung đột, điều qua tiếng lại rồi lại gắn bó tình cảm, chỉ xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nhất vào ngày 26/10/2017 do ông không kìm chế được bản thân khi bà H đi không thông báo cho ông, ông gọi điện bà không nghe điện thoại, ông sang nH con gái gặp bà H trên tay đi làm về có cầm dao, miệng chửi mắng, xúc phạm bà và cho rằng do người con gái riêng của ông bị bệnh hiện đang điều trị ARV tại nhà ông nên bà H sợ phải chi tiêu tốn kém và sợ lây bệnh nên né tránh. Mâu thuẫn ông và bà H được thôn Tân An 1 tổ chức H giải nhưng bà H không nhất trí đoàn tụ cương quyết ly hôn, tự chấm dứt mọi mối quan hệ, liên lạc với ông tính đến nay khoảng 02 tháng. Nay ông K xét thấy tình cảm của ông đối với bà H vẫn còn, ông đề nghị được đoàn tụ vợ chồng với bà Trần Thị H.

Về con: Bà Trần Thị H và ông Phạm Văn K đều xác định không có con chung mà đều có con riêng của mỗi người cụ thể:

Bà Trần Thị H có 04 người con, đó là chị Lục Thị H, sinh năm 1978, Lục Thị H, sinh năm 1981, Lục Thị Hải H, sinh năm 1993 và chị Lục Thị H, sinh năm 1988, hiện những người con này đã trưởng Th và có sức khỏe tốt.

Ông Phạm Văn K có 06 người con riêng, đó là chị Phạm Thị Q, sinh năm 1979; Phạm Văn Ch, sinh năm 1982; Phạm Minh Th, sinh năm 1984; Phạm Thị Th, sinh năm 1987; Phạm Thị Th, sinh năm 1989 và chị Phạm Thị H, sinh năm 1992, hiện những người con này đã trưởng Th. Đối với chị H là con riêng của ông K đã trưởng Th, nay ốm bệnh ông K tự có trách nhiệm. Ông không đề nghị Tòa giải quyết về con riêng nghĩa vụ cấp dưỡng, trợ cấp nuôi con cùng ông K.

Về tài sản: Bà Trần Thị H và ông Phạm Văn K cùng thỏa thuận thống nhất. Không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung, tài sản riêng.

Về nghĩa vụ thanh toán : Bà Trần Thị H và ông Phạm Văn K đều xác định vợ chồng không vay nợ chung của cơ quan, tổ chức, cá nhân; không cho cơ quan, tổ chức, cá nhân vay nợ vợ chồng. Bà H và ông K không đề nghị Tòa giải quyết.

Đối với số tiền vay nợ 50.000.000đ: Bà H và ông K đều xác định, đây là khoản tiền vay riêng chi tiêu cá nhân ông K không liên quan và bà H không ký giấy vay nợ giữa ông K - bà H với người cho vay tiền trong đó có cả số tiền vay 3.000.000đ của quỹ hội người cao tuổi thôn Tân A1, xã T A. Hiện nay các cá nhân và hội người cao tuổi thôn Tân An 1 cho ông K vay tiền chưa đến thời gian trả nợ. Ông K tự nhận chịu trách nhiệm trả không liên quan đến bà H. Do vậy, ông K không cung cấp tài liệu, chứng cứ để làm bằng giải quyếtvề nghĩa vụ thanh toán. Bà H và ông K cùng thỏa thuận thống nhất không đề nghị yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa , đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn đã xác định: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, thẩm phán và Hội đồng xét xử đều tuân theo trình tự pháp luật tố tụng Dân sự, các đương sự chấp hành tốt pháp luật khi tham gia tố tụng Dân sự và phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2016; điểm a khoản 5; Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H. Xử cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Phạm Văn K.

Về con chung, riêng: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận, thống nhất của bà Trần Thị H và ông Phạm Văn K.

Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Ông Phạm Văn K không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa . Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Bà Trần Thị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyên Văn Bàn giải quyết việc Ly hôn giữa bà Trần Thị H và ông Phạm Văn K theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Phạm Văn K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào ngày 10/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Tân An. Thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng 04 tháng đến tháng 6/2014 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cấm đoán, không quan tâm chăm sóc khi ốm đau khi bà bị ngã gẫy chân vào tháng 5/2016, bà phải lương tựa vào con riêng của bà. Quá trình giải quyết vụ án ông K hứa sửa chữa để khắc phục hàn gắn tình cảm và có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng, nhưng ông không còn cách nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà H, không nhất trí ly hôn, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Xét thấy, thời gian bà H và ông K chung sống với nhau thường xuyên bất đồng quan điểm sống, cấm đoán, thiếu đi sự tôn trọng, quan tâm chăm sóc của người chồng những lúc ốm đâu, khó khăn, khi khỏi bà về sống với ông K nhưng mẫu thuẫn giữa bà và ông K không được cải thiện, chỉ được một thời gian ngắn ông K tiếp tục cấm đoán bà không cho bà qua lại thăm nom con cháu riêng của bà làm cho tình cảm vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng đặc biệt nhất vào khoảng 11 giờ ngày 26/10/2017 khi bà đang ở nhà con gái, ông K đến chửi, mắng, xúc phạm, cầm dao đuổi đánh bà, bà nhận thấy mất đi quyền tự do nên bà tự bỏ đi chấm dứt mọi mối quan hệ, không về nhà sống chung tính đến nay khoảng 02 tháng 03 ngày bỏ mặc không còn quan tâm đến ông K. Như vậy tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông K không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đề nghị được ly hôn với ông Phạm Văn K.

Về con chung, riêng: Bà Trần Thị H và ông Phạm Văn K cùng thỏa thuận, thống nhất. Không đề nghị Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

Về tài sản riêng, chung : Bà Trần Thị H và ông Phạm Văn K cùng thỏa thuận, thống nhất. Không đề nghị Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

Về nghĩa vụ thanh toán : Bà Trần Thị H và ông Phạm Văn K cùng thỏa thuận, thống nhất. Không đề nghị Tòa giải quyết. Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

Đối với số tiền vay nợ 50.000.000đ ông K xác định, đây là khoản tiền ông vay riêng chi tiêu cá nhân bà H không biết, không liên quan và bà H không ký giấy vay nợ giữa ông K - bà H với người cho vay tiền trong đó có cả số tiền vay 3.000.000đ của quỹ hội người cao tuổi thôn Tân A1, xã TA. Hiện nay các cá nhân và hội người cao tuổi thôn Tân A 1 cho ông K vay tiền chưa đến hạn trả nợ. Nếu đến hạn trả ông K tự mình chịu trách nhiệm trả không liên quan đến bà H nên bà H không phải trả nợ cùng ông K. Quá trình giải quyết Tòa yêu cầu ông giao nộp tài liệu chứng cứ để làm bằng giải quyết về nghĩa vụ thanh toán nhưng ông K không đề nghị Tòa giải quyết và không giao nộp các giấy tờ liên quan đến việc thanh toán làm cơ sở để Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu toàn bộ tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Ông Phạm Văn K không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị H có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Phạm Văn K được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2016; điểm a khoản 5; Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Phạm Văn K.

+ Về án phí: : Bà Trần Thị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ tại biên lai thu tiền số AB/2012/0006717 ngày 03/11/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Bà Trần Thị H đã nộp đủ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn bà Trần Thị H có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Phạm Văn K được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Án xử công khai sơ thẩm kết thúc vào hồi 09 giờ 00 phút cùng ngày.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lựa

Nơi nhận
- TAND tỉnh Lào Cai(1);
- VKSND huyện Văn Bàn(2);
- Nguyên đơn bà Trần Thị H (01).
- Bị đơn ông Phạm Văn K (01).
- THA Dân sự huyện Văn Bàn(1);
- UBND xã Tân An (1).
- Lưu VP. TAND huyện Văn Bàn(02).
- L-u HS vụ án (02),